

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác
bầu cử đại Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân
số 85/2015/QH13;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu
Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc
lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;*

*Xét Tờ trình số 18722/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân thành phố Huế về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
thành phố quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ
công tác bầu cử đại Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của
Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian
được hưởng hỗ trợ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Huế.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cho
công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Huế theo quy định tại
khoản 1 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử
dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất.

3. Các nội dung chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 3. Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử

1. Mức chi hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Huế (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

2. Thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử

a) Thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ bầu cử theo thực tế phân công nhiệm vụ của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử các cấp đến khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định.

b) Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đến công tác bầu cử đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được đảm bảo từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp.

2. Việc lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 01 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban bầu cử các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đến bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 29 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Cổng TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Lê Trường Lưu**



Phụ lục

**QUY ĐỊNH MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ KINH PHÍ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 5~~N~~/2025/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị, tập huấn		
a	Chi tổ chức hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.	
b	Chi tổ chức tập huấn phục vụ công tác tổ chức bầu cử	- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. - Riêng đại biểu dự tập huấn không hưởng lương từ ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.	
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp		
a	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổ bầu cử tổ chức liên quan đến bầu cử		
	Chủ trì cuộc họp	400.000 đồng/người/buổi	320.000 đồng/người/buổi
	Thành viên tham dự	160.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
	Các đối tượng phục vụ	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử		
	Chủ trì cuộc họp	240.000 đồng/người/buổi	200.000 đồng/người/buổi
	Thành viên tham dự	160.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
	Các đối tượng phục vụ	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường trực HĐND, ngoài chế độ công tác phí theo quy định, các mức chi thực hiện như sau		
a	Trưởng đoàn giám sát	240.000 đồng/người/buổi	200.000 đồng/người/buổi
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	160.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát		
	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	120.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi
	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	80.000 đồng/ người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát		
	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	4.000.000 đồng/báo cáo	3.200.000 đồng/báo cáo
	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử	5.600.000 đồng/báo cáo	4.500.000 đồng/báo cáo
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	250.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/văn bản	200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/người/văn bản
	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	800.000 đồng/báo cáo	640.000 đồng/báo cáo
4	Chi xây dựng văn bản		
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	Thực hiện theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền.	
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn thành phố do Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường trực HĐND, Tổ bầu cử, các sở, ban, ngành ban hành (kể cả các văn bản hướng dẫn cho một xã, phường nhưng được gửi đến tất cả các xã, phường để cùng áp dụng)		

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	2.000.000 đồng/văn bản	1.500.000 đồng/văn bản
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	250.000 đồng/ người/lần, nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/văn bản	200.000 đồng/ người/lần, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng kinh phí cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau		
	Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Trưởng Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Trưởng các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.	2.600.000 đồng/người/tháng	2.000.000 đồng/người/tháng
	Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử; Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Phó các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Tổ trưởng tổ giúp việc Ủy ban bầu cử.	2.300.000 đồng/người/tháng	1.800.000 đồng/người/tháng
	Thành viên các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Tổ phó và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử.	2.000.000 đồng/người/tháng	1.500.000 đồng/người/tháng
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng tại khoản a mục 5 này và không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)		
	Đối với trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không quá 15 ngày	150.000 đồng/người/ngày	100.000 đồng/người/ngày

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
	Đối với trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày	2.000.000 đồng/người/tháng	1.500.000 đồng/người/tháng
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt	300.000 đồng/người/ngày	
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		
a	Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng Ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	400.000 đồng/người/tháng	300.000 đồng/người/tháng
b	Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử; thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng Ban bầu cử; Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ bầu cử	300.000 đồng/người/tháng	200.000 đồng/người/tháng
c	Thành viên Ban bầu cử; Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Tổ phó và các thành viên Tổ bầu cử	200.000 đồng/người/tháng	100.000 đồng/người/tháng
d	Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp quyết định danh sách những người được hỗ trợ cước điện thoại theo mức khoán (trong dự toán kinh phí bầu cử được giao). Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo quyết định phân công nhiệm vụ	200.000 đồng/người/tháng	100.000 đồng/người/tháng

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
	của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ Bầu cử nhưng tối đa không quá 03 tháng.		
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử (không bao gồm cán bộ, công chức chuyên trách tiếp công dân đã được hưởng phụ cấp theo quy định)		
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	150.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân (như: lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, lái xe, phục vụ hậu cần, y tế ...)	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi
8	Chi khác cho công tác bầu cử		
a	Chi đóng hòm phiếu: Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	500.000 đồng/hòm phiếu	
b	Chi khắc dấu: Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	400.000 đồng/dấu	
c	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	1.500.000 đồng/bảng	
d	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	
đ	Chi công tác tuyên truyền, in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác bầu cử.	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.	

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
e	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ bầu cử.	Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách được giao cho các cơ quan, đơn vị.	
g	Các nội dung chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử (chi thuê máy móc, thiết bị; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu (nếu có); trang trí, loa đài; trang bị vật tư, văn phòng phẩm, tài liệu về bầu cử, nước uống; chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, hướng dẫn bầu cử) và các nội dung chi khác phát sinh thực tế chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác.	Thực hiện theo chứng từ, hóa đơn thanh toán thực tế hợp lý, hợp lệ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.	